

CTY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *29* /CBTT.2015

V/v: Công bố thông tin BCTC soát xét bán
niên 2015 của CPC

Cần Thơ, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
2. Mã chứng khoán: CPC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Km 14 quốc lộ 91 phường Phước Thới quận Ô Môn thành phố Cần Thơ
4. Điện thoại: 07103 861770 Fax: 07103 861798
5. Người công bố thông tin: NGUYỄN VĂN TRUNG
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2015 của CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ được lập ngày 11 tháng 08 năm 2015 bao gồm BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Công văn giải trình về việc Lợi nhuận chênh lệch vượt 10% so với cùng kỳ năm trước.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:
www.tstcantho.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu:...

TM.CTY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TGD

Nguyễn Văn Trung

Số: *58* /CBTT.2015

V/v: CPC giải trình việc LNTT soát xét bán
niên 2015 chênh lệch hơn 10% cùng kỳ

Cần Thơ, ngày 11 tháng 08 năm 2015

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**CPC GIẢI TRÌNH CÁC NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN
LỢI NHUẬN GIẢM HƠN 10% CÙNG KỲ**

Lợi nhuận trước thuế của CPC soát xét bán niên 2015 đạt hơn 4,90 tỷ đồng nhưng đã giảm khoảng 32,76 % so với cùng kỳ năm 2014.

Nay CPC xin trình bày các lý do cơ bản làm giảm lợi nhuận như sau:

1. Doanh thu bán hàng bán niên 2015 của CPC đã đạt được 93 tỷ đồng nhưng đã bị giảm khoảng 14,65% so với cùng kỳ năm trước. Điều này đã góp phần làm cho lợi nhuận bán niên 2015 thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.
2. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ bán niên 2015 giảm 14,49% dẫn đến lợi nhuận bị giảm so với cùng kỳ.

Đối phó với tình hình cạnh tranh hiện nay rất khốc liệt, Công ty chúng tôi sẽ ra sức tiết kiệm chi phí và tận dụng mọi nguồn lực để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra cho năm 2015.

TM.CTY CP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐ

Nguyễn Văn Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG
CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 37

3.4.4
CÔNG
TÍNH
KẾ
C VII
- TP

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Sắt Trùng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ngày 30 tháng 6 năm 2015.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thuốc Sắt Trùng Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1462/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy Ban Nhân Dân thành phố Cần Thơ). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800457478, đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 5 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 6 năm 2012.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : 07103.861.770
- Fax : 07103.861.798

Công ty đã làm thủ tục thành lập chi nhánh tại Campuchia nhưng nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là đăng ký các tên thuốc và giữ hình thức hạch toán báo sổ về Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu, kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong môi trường nuôi trồng thủy sản. Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản. Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn chăn nuôi cho nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến thủy hải sản xuất khẩu;
- Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất phục vụ nông nghiệp.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

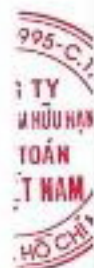
Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch
Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên
Ông Phan Đăng Trúc	Thành viên
Ông Võ Việt Thanh	Thành viên
Ông Phan Văn Mưa	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thái	Trưởng ban kiểm soát
Ông Dương Minh Thành	Thành viên
Ông Hồ Văn Hỷ	Thành viên

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch hội đồng quản trị

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thay mặt Hội đồng quản trị



Ông NGUYỄN VĂN TRUNG
Chủ tịch

Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2015



Số: 099/2015/BCSX-HCM.00632

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2015, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Cần Thơ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét và báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tại ngày 8 tháng 8 năm 2014 và báo cáo tài chính tại ngày 24 tháng 3 năm 2015.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2015

04486
CÔNG
NHỆM
KIỂM T
C VIỆT
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Km 14 Quốc lộ 91, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

				Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015	
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.457.616.334	100.039.428.252	
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	26.287.574.874	27.284.750.674	
Tiền	111		2.787.574.874	2.284.750.674	
Các khoản tương đương tiền	112		23.500.000.000	25.000.000.000	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	-	
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-	
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	2.000.000.000	-	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.381.031.605	30.400.873.311	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	37.084.580.158	28.668.721.714	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.623.161.050	1.585.207.000	
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-	
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-	
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-	
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.160.397.765	1.146.944.597	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.487.107.368)	(1.000.000.000)	
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-	
Hàng tồn kho	140		45.675.915.084	42.226.668.202	
Hàng tồn kho	141	5.7	45.675.915.084	42.226.668.202	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
Tài sản ngắn hạn khác	150		113.094.771	127.136.065	
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-	
Thuế GTGT được khấu trừ	152		113.094.771	-	
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	-	127.136.065	
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-	
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-	



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÂN THƠ
Km 14 Quốc lộ 91, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.143.845.856	15.381.534.859
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		12.474.029.736	12.798.191.846
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	12.008.911.474	12.221.966.754
- Nguyên giá	222		41.331.357.884	40.218.921.904
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.322.446.410)	(27.996.955.150)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	465.118.262	576.225.092
- Nguyên giá	228		924.913.300	924.913.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(459.795.038)	(348.688.208)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.669.816.120	2.583.343.013
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	2.669.816.120	2.583.343.013
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		127.601.462.190	115.420.963.111

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Km 14 Quốc lộ 91, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		54.457.017.621	35.835.247.184
Nợ ngắn hạn	310		53.777.017.621	35.155.247.184
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.364.771.401	1.578.548.382
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	15.617.540	65.767.993
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.13	1.139.567.697	1.464.936.354
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	767.682.951	1.226.137.448
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	39.711.632
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	1.799.143.312	2.659.934.167
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	46.589.466.200	27.284.287.688
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.17	1.100.768.520	835.923.520
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		680.000.000	680.000.000
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	680.000.000	680.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.144.444.569	79.585.715.927
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	73.144.444.569	79.585.715.927
Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.030.500.000	43.030.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.030.500.000	43.030.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		8.291.518.300	8.291.518.300
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.261.176.032	12.261.176.032
Cổ phiếu quỹ	415		(4.000.872.355)	(4.000.872.355)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.303.050.000	4.303.050.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÚNG CẦN THƠ
 Km 14 Quốc lộ 91, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.259.072.592	15.700.343.950
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.557.230.562	5.234.444.060
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.701.842.030	10.465.899.890
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		127.601.462.190	115.420.963.111



NGUYỄN DUY LINH
 Người lập biểu

QUÁCH THỊ THÚY
 Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG
 Tổng Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14 Quốc lộ 91, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	93.131.936.882	109.123.469.109
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1.3	-	1.100.000.000
Doanh thu thuần	10		93.131.936.882	108.023.469.109
Giá vốn hàng bán	11	6.2	77.719.398.045	89.998.728.115
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		15.412.538.837	18.024.740.994
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	734.092.464	2.140.791.639
Chi phí tài chính	22	6.4	1.754.246.333	3.449.987.711
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		623.498.297	1.144.085.530
Chi phí bán hàng	24	6.5	4.446.277.332	4.185.074.785
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	6.810.259.023	5.979.147.775
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.135.848.613	6.551.322.362
Thu nhập khác	31	6.7	1.856.912.048	747.319.499
Chi phí khác	32		85.358.335	251.672
Lợi nhuận khác	40		1.771.553.713	747.067.827
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.907.402.326	7.298.390.189
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	1.205.560.296	1.605.645.842
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.701.842.030	5.692.744.347
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	907	1.395
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

NGUYỄN DUY LINH
Người lập biểu

QUÁCH THỊ THÚY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Km 14 Quốc lộ 91, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		69.549.056.740	111.758.322.090
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(72.398.614.634)	(90.037.106.014)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.545.788.580)	(7.011.219.174)
Tiền lãi vay phải trả	04		(657.906.235)	(1.144.085.530)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.308.767.813)	(2.361.088.039)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.811.740.721	9.751.926.928
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(21.925.872.045)	(12.461.710.246)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.476.150.046)	8.495.040.015
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.526.220.000)	(769.025.342)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		210.909.090	247.272.726
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		606.905.010	400.163.496
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.708.405.900)	(121.589.120)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		58.225.932.653	74.539.040.045
Tiền trả nợ gốc vay	34		(37.773.097.350)	(60.749.332.194)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.266.685.016)	(8.011.834.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.186.150.287	5.777.873.751
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.284.750.674	15.138.256.800
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.229.859	1.520.171.982
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		26.287.574.874	30.809.753.428



NGUYỄN DUY LINH
Người lập biểu



QUÁCH THỊ THÚY
Kế toán trưởng




NGUYỄN VĂN TRUNG
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Sắt trùng Cần Thơ là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ tài chính năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 195 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 là 205 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng

01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

0.300
C
TRÁCH
KIỂM
AFC
V.I.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

4486
ĐANG
NHÌM
M TÌ
VIỆT
P. HỒ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 08 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 09 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 – 06 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

18995-

CÔNG TY

THUỐC SẮT

TRÙNG CẦN THƠ

TOÁN

VIỆT NAM

HỒ CHÍ MINH

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phải sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.



04489
CÔNG
NHỆM
KIỂM T
C VIỆT
TP. H

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông	Cổ đông lớn
Thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	114.229.563	44.510.000
Tiền gửi ngân hàng		
- VND	2.439.044.913	2.159.808.207
- USD	234.300.398	80.432.467
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng - VND	23.500.000.000	25.000.000.000
	<u>26.287.574.874</u>	<u>27.284.750.674</u>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	10.650,00	234.300.398

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-

(*) Đây là tiền gửi có kỳ hạn 9 tháng tại ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ với lãi suất 4,2%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông	246.337.350	163.009.350
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Hằng Duy	10.502.907.029	6.219.827.817
Các khách hàng khác	26.335.335.779	22.285.884.547
	<u>37.084.580.158</u>	<u>28.668.721.714</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Ông Nguyễn Văn Giới	1.400.820.000	1.400.820.000
Các nhà cung cấp khác	222.341.050	184.387.000
	<u>1.623.161.050</u>	<u>1.585.207.000</u>

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	30/06/2015 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2015 Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu tiền bán hàng từ nhân viên đã nghỉ việc	170.357.639	170.357.639	170.357.639	-
Phải thu lãi tiền gửi dự thu	-	-	22.195.414	-
Phải thu tiền tạm ứng công tác phí	231.194.126	-	171.951.544	-
Phải thu tiền tạm ứng chi phí thành lập CN Campuchia	698.346.000	-	697.840.000	-
Phải thu tiền tạm ứng lương	16.500.000	-	18.600.000	-
Phải thu tiền thù lao HĐQT & BKS ứng trước	44.000.000	-	66.000.000	-
	<u>1.160.397.765</u>	<u>170.357.639</u>	<u>1.146.944.597</u>	-

5.6 Nợ xấu

	30/06/2015			01/07/2014		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các bên liên quan		-	-		-	-
Các tổ chức và cá nhân khác						
Phải thu tiền bán hàng						
Đại lý vật tư nông nghiệp Trần Xuân Mai	1 năm < X < 2 năm	225.160.111	112.580.056		-	-
Đại lý vật tư nông nghiệp Võ Thị Tuyết Hồng	1 năm < X < 2 năm	31.200.120	15.600.060		-	-
Đại lý vật tư nông nghiệp Tích Thảo	Trên 3 năm	1.000.000.000	-	Trên 3 năm	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Trần Gia Phát	1 năm < X < 2 năm	119.865.227	59.932.614		-	-
Phải thu tiền đã ứng trước để mua hàng						
Công ty CP Môi Trường Đất Việt	Trên 3 năm	12.137.000	-		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015



	30/06/2015			01/07/2014		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH SX-TM- DV CTM Ngọc Thành Phải thu chiếm dụng tiền bán hàng	Trên 3 năm	116.500.000	-	-	-	-
Ông Lê Chí Thanh	Nhân viên Công ty đã nghỉ việc và bỏ trốn	170.357.639	-	-	-	-
		<u>1.675.220.097</u>	<u>188.112.729</u>		<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(487.107.368)	-	(487.107.368)
Tại ngày 30/06/2015	<u>(1.487.107.368)</u>	<u>-</u>	<u>(1.487.107.368)</u>

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.413.824.480	-	23.917.675.475	-
Thành phẩm	10.261.380.548	-	18.301.518.132	-
Hàng hóa	710.056	-	7.474.595	-
	<u>45.675.915.084</u>	<u>-</u>	<u>42.226.668.202</u>	<u>-</u>

Giá trị hàng tồn kho dùng để chấp, cầm cố để đảm bảo các khoản vay của Công ty như sau:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.413.824.480	23.917.675.475
Thành phẩm	10.261.380.548	18.301.518.132
Hàng hóa	710.056	7.474.595
	<u>45.675.915.084</u>	<u>42.226.668.202</u>

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2015	17.259.617.180	11.537.681.632	11.249.655.065	171.968.027	40.218.921.904
Mua trong kỳ	-	-	585.327.272	-	585.327.272
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	691.397.273	236.895.455	-	-	928.292.728
Giảm do thanh lý	-	-	(401.184.020)	-	(401.184.020)
Tại ngày 30/06/2015	17.951.014.453	11.774.577.087	11.433.798.317	171.968.027	41.331.357.884
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2015	14.103.553.424	8.563.821.315	5.182.265.165	147.315.246	27.996.955.150
Khấu hao trong kỳ	387.778.635	576.442.862	759.764.389	2.689.394	1.726.675.280
Giảm do thanh lý	-	-	(401.184.020)	-	(401.184.020)
Tại ngày 30/06/2015	14.491.332.059	9.140.264.177	5.540.845.534	150.004.640	29.322.446.410
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	3.156.063.756	2.973.860.317	6.067.389.900	24.652.781	12.221.966.754
Tại ngày 30/06/2015	3.459.682.394	2.634.312.910	5.892.952.783	21.963.387	12.008.911.474

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2015	12.553.816.950	4.145.961.170	1.771.730.199	139.695.300	18.611.203.619
Tại ngày 30/06/2015	12.553.816.950	4.828.661.170	1.577.702.179	171.968.027	19.132.148.326

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.128.037.414 VND đã được thế chấp, cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	200.000.000	724.913.300	924.913.300
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	200.000.000	724.913.300	924.913.300
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	200.000.000	148.688.208	348.688.208
Khấu hao trong kỳ	-	111.106.830	111.106.830
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	200.000.000	259.795.038	459.795.038
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	-	576.225.092	576.225.092
Tại ngày 30/06/2015	-	465.118.262	465.118.262

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CÂN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015



Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2015	200.000.000	-	200.000.000
Tại ngày 30/06/2015	200.000.000	-	200.000.000

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	23.226.867	-
Tiền thuê đất khu công nghiệp	2.469.589.253	2.507.389.088
Chi phí bảo trì phần mềm	177.000.000	75.953.925
	2.669.816.120	2.583.343.013

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH SX - TM Nhựa Cường Phát	500.642.580	144.274.900
Công ty TNHH TM-DV-Tiếp Thị Bao Bì Hóa Chất	450.000.000	-
Công ty TNHH TMDV XNK Ecotech Indochina	312.000.000	-
Công ty TNHH Công Thương Hoa Mai	266.571.426	265.733.050
Các nhà cung cấp khác	835.557.415	1.168.540.432
	2.364.771.401	1.578.548.382

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	15.617.540	65.767.993
	15.617.540	65.767.993

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2015	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	219.235.388	-	21.752.979	(240.988.367)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	(127.136.065)	3.028.251.213	(2.901.115.148)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	116.381.988	(116.381.988)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.239.890.168	-	1.205.560.296	(1.311.553.165)	1.133.887.297	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.820.800	-	259.279.577	(259.419.977)	5.680.400	-
Thuế nhà đất	-	-	7.842.269	(7.842.269)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.785.351	(5.785.351)	-	-
	1.464.936.354	(127.136.065)	4.644.853.673	(4.843.086.265)	1.139.567.697	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thu nhập từ các hoạt động phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.907.402.326	7.298.390.189
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	672.417.203	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	5.479.819.529	7.298.390.189
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	5.479.819.529	7.298.390.189
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.205.560.296	1.605.645.842
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Thuế TNDN phải nộp	1.205.560.296	1.605.645.842
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế TNDN còn phải nộp	1.205.560.296	1.605.645.842

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí quà tặng khách hàng	-	155.119.418
Chi phí hỗ trợ bán hàng	221.000.000	290.071.652
Chi phí hoạt động của chi nhánh Campuchia	546.682.951	660.155.712
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	120.790.666
	<u>767.682.951</u>	<u>1.226.137.448</u>

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	56.764.800	56.943.840
Bảo hiểm xã hội	56.764.800	36.339.740
Cổ tức phải trả	803.483.654	567.762.104
Hàng hóa tạm mượn	437.311.575	-
Chiết khấu phải trả	439.438.363	1.993.508.363
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.380.120	5.380.120
	<u>1.799.143.312</u>	<u>2.659.934.167</u>

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

Tại ngày 30/06/2015, phải trả dài hạn khác là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn với số tiền là 680.000.000 VND.

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
phải trả các bên liên quan				
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Vay ngắn hạn ngân hàng VIETCOMBANK - chi nhánh Cần Thơ	13.364.316.900	13.364.316.900	11.438.920.020	11.438.920.020
Vay ngắn hạn ngân hàng HSBC VN - chi nhánh Cần Thơ	19.304.340.000	19.304.340.000	13.293.670.268	13.293.670.268
Vay ngắn hạn ngân hàng INDOVINA - chi nhánh Cần Thơ	4.338.269.300	4.338.269.300	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng VIB Cần Thơ	-	-	2.551.697.400	2.551.697.400
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Phương Đông - chi nhánh Cần Thơ	13.364.316.900	13.364.316.900	-	-
	<u>46.589.466.200</u>	<u>46.589.466.200</u>	<u>27.284.287.688</u>	<u>27.284.287.688</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2015 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Tăng do chênh lệch tỷ giá VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	Giảm do chênh lệch tỷ giá	30/06/2015 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	27.284.287.688	56.252.354.706	1.436.145.684	(37.773.097.350)	(810.224.527)	46.589.466.200

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất từ 3,2%/năm đến 4%/năm và được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 5.7 và 5.9).

5.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2015 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2015 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	835.923.520	1.000.000.000	(735.155.000)	1.100.768.520
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	-	356.997.466	(356.997.466)	-
	835.923.520	1.356.997.466	(1.092.152.466)	1.100.768.520



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÚNG CÁN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.18 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	43.030.500.000	8.291.518.300	10.861.176.032	(4.000.872.355)	4.303.050.000	-	16.894.982.673	79.380.354.650
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	5.692.744.347	5.692.744.347
Điều chỉnh lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	140.938.096	140.938.096
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.400.000.000	(1.400.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.372.108.698)	(1.372.108.698)
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-	(8.140.430.000)	(8.140.430.000)
Chi thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	-	(788.726.711)	(788.726.711)
Chi nộp phạt vi phạm hành chính	-	-	-	-	-	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Tại ngày 30/06/2014	43.030.500.000	8.291.518.300	10.861.176.032	(4.000.872.355)	4.303.050.000	1.400.000.000	11.007.399.707	74.892.771.684
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	4.773.155.543	4.773.155.543
Chuyển sang vốn khác của chủ sở hữu	-	-	1.400.000.000	-	-	(1.400.000.000)	-	-
Chuyển sang quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(4.303.050.000)	4.303.050.000	-	-
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-	(22.470.000)	(22.470.000)
Chi nộp phạt vi phạm hành chính	-	-	-	-	-	-	(57.741.300)	(57.741.300)
Tại ngày 31/12/2014	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	4.303.050.000	-	15.700.343.950	79.585.715.927
Phân loại lại số dư đầu kỳ (*)	-	-	-	-	(4.303.050.000)	4.303.050.000	-	-
Tại ngày 01/01/2015	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	-	-	15.700.343.950	79.585.715.927
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3.701.842.030	3.701.842.030
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.356.997.466)	(1.356.997.466)
Chi thù lao, thưởng hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	-	(623.215.922)	(623.215.922)
Chi cổ tức	-	-	-	-	-	-	(8.162.900.000)	(8.162.900.000)
Tại ngày 30/06/2015	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	-	5.303.050.000	8.259.072.592	73.144.444.568

(*) Công ty phân loại lại số dư đầu kỳ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.18.2 Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH TM-DV Thanh Sơn Hóa Nông	7.100.100.000	16,50	7.100.100.000	16,50
Cổ phiếu quỹ	2.216.000.000	5,15	2.216.000.000	5,15
Các cổ đông khác	33.714.400.000	78,35	33.714.400.000	78,35
	43.030.500.000	100	43.030.500.000	100

5.18.3 Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.303.050	4.303.050
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.303.050	4.303.050
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	221.600	221.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.081.450	4.081.450
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

5.18.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015.NQ.ĐHĐCĐ.CPC ngày 15 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	8.162.900.000
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.000.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	1.000.000.000
Chi thường ban quản lý điều hành	356.997.466
Chi thường hội đồng quản trị, ban kiểm soát	222.862.268
Chi thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	400.353.654

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/06/2015	01/01/2015
Dollar Mỹ (USD)	10.650,00	3.785,77



6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

6.1.1 Tổng doanh thu

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa	199.919.231	4.800.664.259
Doanh thu bán thành phẩm	88.244.619.656	99.058.198.475
Doanh thu gia công	2.656.915.440	2.722.784.415
Doanh thu khác	2.030.482.555	2.541.821.960
	93.131.936.882	109.123.469.109

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Công ty TNHH TM-DV Thanh Sơn Hóa Nông	199.919.231	4.800.664.259

6.1.3 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Chiết khấu thương mại	-	1.100.000.000

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Giá vốn hàng hóa	105.942.493	5.659.903.800
Giá vốn thành phẩm	73.050.957.241	80.622.179.992
Giá vốn gia công	3.056.703.168	2.694.599.012
Giá vốn khác	1.505.795.143	1.022.045.311
	77.719.398.045	89.998.728.115

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

3004
CỔ
ẢNH
KIỂM
FC VI
- TP

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi	471.911.910	400.183.496
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	262.180.554	1.740.628.143
	734.092.464	2.140.791.639

6.4 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Chi phí lãi vay	623.498.297	1.144.085.530
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.130.748.036	2.305.902.181
	1.754.246.333	3.449.987.711

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên	1.757.358.656	1.192.409.950
Chi phí vật liệu, bao bì	1.500.000	25.345.521
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	20.496.414	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	713.626.815	626.743.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	899.768.798	1.278.267.764
Chi phí bằng tiền khác	1.053.526.649	1.062.307.882
	4.446.277.332	4.185.074.785

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.044.780.700	4.335.581.700
Chi phí vật liệu quản lý	8.898.092	7.430.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.104.890	75.018.325
Chi phí khấu hao tài sản cố định	201.943.818	105.405.066
Thuế, phí và lệ phí	180.112.418	137.390.574
Chi phí dự phòng	487.107.368	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.096.841.202	774.531.408
Chi phí bằng tiền khác	731.470.535	543.790.702
	6.810.259.023	5.979.147.775

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

BPPS
 CÔNG TY
 EMHƯU
 TOÁN
 TÀI CHÍNH
 HỒ CHÍ MINH

6.7 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	210.909.090	247.272.726
Hoàn nhập các chi phí trích trước	-	500.000.000
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	1.600.000	-
Thu cho thuê bãi đậu xe	50.000.001	-
Xử lý công nợ lâu năm	50.099.410	-
Hoàn nhập chi phí chiết khấu	1.500.000.000	-
Thu nhập khác	44.303.547	46.773
	1.856.912.048	747.319.499

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.701.842.030	5.692.744.347
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.701.842.030	5.692.744.347
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.081.450	4.081.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	907	1.395

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	82.359.611.753
Chi phí nhân công	10.280.900.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.837.782.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.324.177.179
Chi phí bằng tiền khác	3.743.002.481
	80.545.474.459

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VND Tổng cộng
Ngày 30 tháng 06 năm 2015			
Các khoản vay và nợ	46.589.466.200	-	46.589.466.200
Phải trả người bán	2.364.771.401	-	2.364.771.401
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.649.813.009	680.000.000	2.329.813.009
	50.604.050.610	680.000.000	51.284.050.610
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Các khoản vay và nợ	27.284.287.688	-	27.284.287.688
Phải trả người bán	1.578.548.382	-	1.578.548.382
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.225.025.931	680.000.000	3.905.025.931
	32.087.862.001	680.000.000	32.767.862.001

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình vào các khoản vay (*Thuyết minh số 5.7 và 5.9*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2015 và 31/12/2014.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	35.896.467.429	27.668.721.714	35.896.467.429	27.668.721.714
<i>Các khoản phải thu khác</i>	990.040.126	1.146.944.597	990.040.126	1.146.944.597
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	26.287.574.874	27.284.750.674	26.287.574.874	27.284.750.674
Tổng cộng	65.174.082.429	56.100.416.985	65.174.082.429	56.100.416.985
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ</i>	46.589.466.200	27.284.287.688	46.589.466.200	27.284.287.688
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải trả người bán</i>	2.364.771.401	1.578.548.382	2.364.771.401	1.578.548.382
<i>Phải trả khác</i>	2.354.378.712	3.246.650.587	2.354.378.712	3.246.650.587
Tổng cộng	51.308.616.313	32.109.486.657	51.308.616.313	32.109.486.657



Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Tiền lương	276.330.000	211.530.000
Các khoản phúc lợi khác	156.862.268	277.745.342
	<u>433.192.268</u>	<u>489.275.342</u>

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết cũng như các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết ngoài Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông. Giao dịch phát sinh với Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông như sau:

1999.
 CÔNG TY
 THƯƠNG MẠI
 DỊCH VỤ
 THANH SƠN
 HÓA NÔNG
 .HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
 Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Gia công	1.594.876.270	1.973.002.290
Cổ tức	1.346.878.500	1.343.170.950

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng gia công.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các bên liên quan khác.

8.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo qui định của chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.3 Số liệu so sánh

8.3.1 Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó một số chỉ tiêu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán đã được phân loại cho phù hợp với quy định của Thông tư 200 hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp.

8.3.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	258.553.053	888.391.544	1.146.944.597	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	888.391.544	(888.391.544)	-	(i)
Chi phí trả trước dài hạn	261	3.260.556.511	(677.213.498)	2.583.343.013	(ii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	4.303.050.000	4.303.050.000	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	11.143.113.388	(677.213.498)	10.465.899.890	(iii)

(i) Phân loại lại

(ii) Điều chỉnh hồi tố phân bổ tiền thuê đất và tiền sử dụng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp

(iii) Ảnh hưởng lợi nhuận do phân bổ tiền thuê đất và tiền sử dụng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp



8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN DUY LINH
Người lập biểu



QUÁCH THỊ THÚY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2015